

KẾT QUẢ ĐIỂM KIỂM TRA KHOÁ HỌC KỸ NĂNG THÔNG TIN

Lớp: 4502 + 4504 + 4507

STT	HỌ VÀ TÊN	MSSV	ĐIỂM	GHI CHÚ
1.	Lê Đức Dũng	450201	8 / 10	Đạt
2.	Hoang Thi Huyen	450202	9 / 10	Đạt
3.	Nguyen Ha Trang	450203	7 / 10	Đạt
4.	Lương Hà Anh	450204	7 / 10	Đạt
5.	nguyễn Thị Hảo	450205	10 / 10	Đạt
6.	luong thi thu luyen	450206	9 / 10	Đạt
7.	LÝ THỊ HUẾ	450207	8 / 10	Đạt
8.	Đoàn Thị Phương Liên	450208	10 / 10	Đạt
9.	Đỗ Ngọc Diệp	450210	9 / 10	Đạt
10.	Phan Khánh Linh	450211	7 / 10	Đạt
11.	Nguyễn Văn Huỳnh	450212	10 / 10	Đạt
12.	Nguyễn Tuấn Phong	450213	9 / 10	Đạt
13.	Nguyễn Lưu Hằng	450214	10 / 10	Đạt
14.	Lò Nguyễn Huyền Trang	450215	9 / 10	Đạt
15.	LY THU PHUONG	450216	8 / 10	Đạt
16.	Dinh Thi Hau	450217	7 / 10	Đạt
17.	Đàm Yến Ngọc	450218	10 / 10	Đạt
18.	Nguyen Thu Ha	450219	6 / 10	Đạt
19.	Bùi Quang Hiếu	450220	8 / 10	Đạt
20.	Vì Minh Hoàng	450221	7 / 10	Đạt
21.	Nguyen Bao Ngoc	450222	7 / 10	Đạt
22.	Lê Thị Thu Hà	450223	8 / 10	Đạt
23.	Tran Thi Trang	450224	6 / 10	Đạt
24.	Phạm Thị Quỳnh	450226	9 / 10	Đạt
25.	Phạm Kiều Oanh	450227	8 / 10	Đạt
26.	Đỗ Việt Dũng	450228	7 / 10	Đạt
27.	Vũ thị chúc	450229	7 / 10	Đạt
28.	Thái Quỳnh Anh	450230	8 / 10	Đạt
29.	Vũ Hương Giang	450231	9 / 10	Đạt
30.	Vũ Ngọc Nam	450232	6 / 10	Đạt
31.	Nguyen Quang Duy	450234	7 / 10	Đạt
32.	Bùi Thùy Linh	450235	9 / 10	Đạt
33.	Nguyễn Hồng Dương	450236	9 / 10	Đạt
34.	La Xương Phương Thảo	450237	9 / 10	Đạt
35.	Thai Bích Phương	450238	8 / 10	Đạt
36.	Nguyen Viet Huong	450239	8 / 10	Đạt

37.	Nguyễn Thu Trang	450241	4 / 10	Không đạt
38.	Vũ Ngọc Huyền	450242	7 / 10	Đạt
39.	Le Thuy Duong	450243	9 / 10	Đạt
40.	Nguyen Thi Ha	450244	8 / 10	Đạt
41.	vu phuong anh	450245	5 / 10	Đạt
42.	Nguyễn Minh Chiến	450246	9 / 10	Đạt
43.	Trần Ngọc Ánh	450247	9 / 10	Đạt
44.	Trần Linh Nam	450248	10 / 10	Đạt
45.	Nguyễn Tô Phương Linh	450250	10 / 10	Đạt
46.	Vu Minh Tuấn	450251	8 / 10	Đạt
47.	Tô Phan Quỳnh Hà	450252	9 / 10	Đạt
48.	Trần Thu Liên	450253	10 / 10	Đạt
49.	Đào Thị Khánh Huyền	450254	8 / 10	Đạt
50.	BUI NAM PHUONG	450255	10 / 10	Đạt
51.	Đỗ Thành Lon	450256	8 / 10	Đạt
52.	Nguyen Phuong Hoa	450401	8 / 10	Đạt
53.	Tòng Thị Trang	450402	7 / 10	Đạt
54.	Hoang Thi Thuy Linh	450403	6 / 10	Đạt
55.	Bàn Thị Hường	450404	9 / 10	Đạt
56.	Mai Đình Quý	450405	7 / 10	Đạt
57.	Dương Quỳnh Trang	450406	10 / 10	Đạt
58.	Nguyễn Tuấn Kiệt	450407	8 / 10	Đạt
59.	Ngô Quang Lân	450408	8 / 10	Đạt
60.	ĐỖ THỊ KIM CHI	450409	6 / 10	Đạt
61.	Bùi Bình Nguyên	450410	8 / 10	Đạt
62.	Mai Linh Chi	450411	5 / 10	Đạt
63.	Bùi Đình Đông	450412	7 / 10	Đạt
64.	Điền Thị Thu Hương	450413	10 / 10	Đạt
65.	Nghiêm Bích Ngọc	450414	9 / 10	Đạt
66.	Nguyễn Quỳnh Chi	450415	7 / 10	Đạt
67.	Ma Văn Long	450416	10 / 10	Đạt
68.	Phan Hữu Nghĩa	450417	7 / 10	Đạt
69.	Vũ Xuân Kỳ	450418	7 / 10	Đạt
70.	Ngô Thị Châu Anh	450419	6 / 10	Đạt
71.	Triệu thu Nguyệt	450420	8 / 10	Đạt
72.	Nguyễn Tuấn Công	450421	7 / 10	Đạt
73.	Hoàng Thị Bán	450422	7 / 10	Đạt
74.	Nguyễn Quang Tùng	450423	8 / 10	Đạt
75.	Nguyễn Thị Nguyệt Anh	450424	8 / 10	Đạt
76.	Le Nhat Hoan	450425	10 / 10	Đạt

77.	Bùi Thị Yến Nhi	450426	8 / 10	Đạt
78.	Nguyễn Trường Nam Thanh	450427	10 / 10	Đạt
79.	Nguyễn Anh Tuấn	450428	6 / 10	Đạt
80.	vũ thị diệu	450429	9 / 10	Đạt
81.	Trần Thanh Tùng	450430	8 / 10	Đạt
82.	Luu Hai Ha	450431	10 / 10	Đạt
83.	Nguyễn Thị Ngọc Linh	450432	7 / 10	Đạt
84.	Lê Thị Thùy Linh	450433	9 / 10	Đạt
85.	Trương Mạnh Hùng	450434	8 / 10	Đạt
86.	Lê Duy Anh	450435	8 / 10	Đạt
87.	Trần Thị Ngoan	450436	9 / 10	Đạt
88.	Nguyễn Thị Hải Lý	450437	7 / 10	Đạt
89.	Trần Thị Diễm Quỳnh	450438	6 / 10	Đạt
90.	Nguyễn Thu Uyên	450439	9 / 10	Đạt
91.	Nguyen Hoang Lam	450441	6 / 10	Đạt
92.	đoàn bích điệp	450442	10 / 10	Đạt
93.	Hoàng Thái Hà	450443	7 / 10	Đạt
94.	Nguyễn Phương Hiền	450444	8 / 10	Đạt
95.	Vàng Thị Xuân	450445	7 / 10	Đạt
96.	MA VAN KHIEN	450446	9 / 10	Đạt
97.	Vũ Thị Thúy An	450447	8 / 10	Đạt
98.	Nguyễn Thu Hằng	450448	9 / 10	Đạt
99.	Đỗ Thị Thanh Tâm	450449	8 / 10	Đạt
100.	Hoàng Nguyễn Diệu Anh	450450	8 / 10	Đạt
101.	Bùi Linh Ngân	450451	9 / 10	Đạt
102.	Dương Hiếu Thảo	450452	10 / 10	Đạt
103.	Nguyễn Chu Minh Ánh	450453	7 / 10	Đạt
104.	Bùi Thái Sơn	450454	9 / 10	Đạt
105.	Nguyễn Linh Chi	450455	9 / 10	Đạt
106.	Bạch Hải Linh	450456	9 / 10	Đạt
107.	Phạm Cao Sơn	450701	7 / 10	Đạt
108.	Triệu Thị Tho	450702	3 / 10	Không đạt
109.	Hoang Linh Nga	450703	9 / 10	Đạt
110.	Phạm Thị Thụy	450704	8 / 10	Đạt
111.	Vu Van Duy	450705	9 / 10	Đạt
112.	Nguyen Thi Mai Phuong	450706	8 / 10	Đạt
113.	Lý Thị Hằng	450707	9 / 10	Đạt
114.	Ta Nhật Mỹ	450708	9 / 10	Đạt
115.	Lương Hồng Ngọc	450709	6 / 10	Đạt

116.	Dương Thị Ngọc Ánh	450710	8 / 10	Đạt
117.	Dương Thị Thu Hương	450711	6 / 10	Đạt
118.	Đặng Minh Tuấn	450712	8 / 10	Đạt
119.	Đỗ Hồng Đoàn	450713	8 / 10	Đạt
120.	Phạm Thị Thùy Linh	450714	8 / 10	Đạt
121.	Nguyen Huyen My	450715	9 / 10	Đạt
122.	bui thuy hien	450716	5 / 10	Đạt
123.	Nguyễn Quốc Khánh	450717	9 / 10	Đạt
124.	Nguyen Duc Linh	450718	7 / 10	Đạt
125.	mai thu thuong	450719	10 / 10	Đạt
126.	Trần Thị lệ	450720	10 / 10	Đạt
127.	Nguyen Viet Hoan	450721	8 / 10	Đạt
128.	Trần Thị Hằng	450722	9 / 10	Đạt
129.	Đỗ Phương Linh	450723	7 / 10	Đạt
130.	Nguyễn Đức Trung	450724	9 / 10	Đạt
131.	Pham Thu Huong	450725	8 / 10	Đạt
132.	Nguyễn Thị Thanh Lam	450726	7 / 10	Đạt
133.	Trần Thị Thu Hiền	450727	9 / 10	Đạt
134.	Phan Thi Thuy Linh	450728	9 / 10	Đạt
135.	Vu Thi Oanh	450730	6 / 10	Đạt
136.	Nguyen Lan Chi	450731	5 / 10	Đạt
137.	Vũ Quỳnh Hoa	450732	8 / 10	Đạt
138.	cao thị dung	450733	7 / 10	Đạt
139.	Doan Huyen My	450734	9 / 10	Đạt
140.	Nguyễn Minh Phương	450735	7 / 10	Đạt
141.	Ngo Ngoc Diep	450736	8 / 10	Đạt
142.	Nguyễn Thị Bích Hằng	450737	8 / 10	Đạt
143.	Phạm Tuấn Nam	450738	7 / 10	Đạt
144.	Nguyễn Minh Thảo	450739	8 / 10	Đạt
145.	Hà Quốc Phong	450740	6 / 10	Đạt
146.	Vũ Thị Phương Loan	450741	7 / 10	Đạt
147.	NGUYỄN ĐỖ QUYÊN	450742	5 / 10	Đạt
148.	Đặng Văn Trường	450743	6 / 10	Đạt
149.	Nguyễn Thảo Linh	450744	7 / 10	Đạt
150.	Lâu Ánh Hoa	450745	7 / 10	Đạt
151.	Nguyễn Lê Phương Thảo	450746	8 / 10	Đạt
152.	Bùi Thanh Hương	450747	9 / 10	Đạt
153.	luwowng thij trang	450748	6 / 10	Đạt
154.	Phạm Thị Thanh Trang	450749	9 / 10	Đạt
155.	Giảng Páo Đông	450750	10 / 10	Đạt

156.	Pham Dieu Linh	450751	8 / 10	Đạt
157.	Nông Thị Diễm Quỳnh	450752	7 / 10	Đạt
158.	Bá Thị Bảo Trâm	450753	7 / 10	Đạt
159.	nguyễn thùy linh	450754	8 / 10	Đạt
160.	Nguyễn Đình Phương Linh	450755	4 / 10	Không đạt
161.	Nguyễn Anh Tuấn	450756	10 / 10	Đạt

Hà Nội, ngày 10 tháng 11 năm 2020

Giám đốc Trung tâm

Lê Thị Hạnh